

CHÍNH PHỦ
Số: 07/2003/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 1 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH

Về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý đầu tư và xây dựng Ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ (sau đây viết tắt là NĐ 52/CP và NĐ 12/CP) như sau:

(1). ĐIỂM 3 KHOẢN 2 ĐIỀU 3 NĐ 52/CP ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NHƯ SAU:

"đ) Đối với các dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài; dự án có yêu cầu cơ mật thuộc an ninh, quốc phòng; dự án mua sở hữu bản quyền, việc lập dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản (11) Điều 1 Nghị định này (trừ các nội dung không phù hợp với tính chất của dự án); việc thẩm định dự án, quyết định đầu

tư và quản lý thực hiện dự án theo quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề xuất và kiến nghị của cơ quan có dự án".

(2). Điều 2 khoản 1 Điều 1 của ND 12/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Đối với các dự án nhóm A gồm nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án, trong đó nếu từng dự án thành phần hoặc tiểu dự án có thể độc lập vận hành, khai thác hoặc thực hiện theo phân kỳ đầu tư được ghi trong văn bản phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án đó được thực hiện từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư và quản lý quá trình thực hiện đầu tư như một dự án đầu tư độc lập".

(3). Điều 8 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 8. Quản lý các dự án quy hoạch

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng, liên tỉnh trong phạm vi toàn quốc, có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn nội dung, trình tự lập, thẩm định và quản lý các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành.

b) Tổ chức lập các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trọng điểm, liên tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Thẩm định các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương do ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) lập theo phân cấp; quy hoạch phát triển ngành do các Bộ quản lý ngành lập trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Nội dung thẩm định bao gồm:

Sự phù hợp của quy hoạch với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội;

Sự hợp lý của quy hoạch trong việc phân bổ các nguồn lực;

Tính thống nhất của các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng;

Tính khả thi của quy hoạch.

2. Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng trọng điểm có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn nội dung, trình tự lập, thẩm định và quản lý các dự án quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, vùng trọng điểm.
- b) Tổ chức lập các dự án quy hoạch xây dựng vùng trọng điểm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- c) Thẩm định các dự án quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn do ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo phân cấp.

Nội dung thẩm định bao gồm:

Sự phù hợp của quy hoạch xây dựng với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch xây dựng dài hạn;

Sự phù hợp của quy hoạch xây dựng trong việc phân bổ dân cư;

Tính thống nhất của quy hoạch xây dựng với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, lãnh thổ, quy hoạch phát triển ngành;

Tính khả thi của quy hoạch và biện pháp quản lý quy hoạch xây dựng.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể phát triển không gian đô thị, cụm dân cư; các quy hoạch xây dựng đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, phê duyệt và trình duyệt để làm cơ sở xây dựng các dự án đầu tư.

4. Bộ quản lý ngành tổ chức lập quy hoạch phát triển ngành.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn việc tạm ứng, thanh toán các nội dung chi phí lập và thẩm định các dự án quy hoạch.

6. Các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, khi nghiên cứu lập dự án phải lấy ý kiến rộng rãi của các Bộ, ngành, địa phương liên quan. Quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn khi nghiên cứu lập dự án, cơ quan tổ chức lập dự án phải công bố công khai, trưng cầu ý kiến của nhân dân và Hội đồng nhân dân sống trên vùng quy hoạch. Dự án quy hoạch xây dựng (cả quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải được công bố công khai, thường xuyên tại ủy ban nhân dân các cấp và nơi công cộng trong vùng quy hoạch để nhân dân thực hiện và kiểm tra việc thực hiện.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng thực hiện (theo chức năng) việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành; quy hoạch xây dựng để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành".

(4). Khoản 2 Điều 10 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư các dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư. Hội đồng thẩm định nhà nước về các dự án đầu tư tổ chức thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý tài chính của Trung ương Đảng, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội (được xác định trong Luật Ngân sách Nhà nước), Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư các dự án nhóm A đã có trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành được duyệt hoặc đã có quyết định chủ trương đầu tư bằng văn bản của cấp có thẩm quyền, sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư.

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án nhóm A tổ chức thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng (đối với các dự án đầu tư xây dựng), Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan đến dự án để báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, các Bộ, ngành, địa phương được hỏi ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Trường hợp dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách địa phương phải đưa ra Hội đồng nhân dân thảo luận, quyết định và công bố công khai.

Nội dung báo cáo xin phép đầu tư bao gồm:

Sự phù hợp của dự án với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Chế độ khai thác và sử dụng tài nguyên quốc gia; phương án công nghệ;

Khả năng tài chính của dự án;

Các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với dự án;

Hiệu quả đầu tư dự án;

Thời gian thực hiện dự án;

Các ảnh hưởng về môi trường, sinh thái, phòng chống cháy nổ, an toàn, tái định cư, an ninh, quốc phòng.

Kèm theo báo cáo xin phép đầu tư có văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan.

Trường hợp các dự án nhóm A chưa có trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng được duyệt hoặc chưa có văn bản quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền thì trước khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi phải được Thủ tướng Chính phủ xem xét, thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và cho phép đầu tư.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý tài chính của Trung ương Đảng, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội (được xác định trong Luật Ngân sách Nhà nước), Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Đối với các dự án nhóm B chưa có trong quy hoạch được duyệt thì trước khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

Riêng đối với các dự án nhóm C, cơ quan quyết định đầu tư phải bảo đảm cân đối vốn đầu tư để thực hiện dự án không quá 2 năm.

c) Tùy theo điều kiện cụ thể của các Bộ, ngành, địa phương, người có thẩm quyền quyết định đầu tư được phép ủy quyền cho các đối tượng quy định tại điểm d khoản này quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C. Người ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền của mình. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật và người ủy quyền.

d) Đối tượng được ủy quyền quyết định đầu tư: